

Số: 133/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 16 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 394 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

Ông Phạm Q. T

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: 41/7A Đường N Phường B thành phố T tỉnh L.

Bà Ng. H.K.Th

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Địa chỉ: 41/7A Đường N Phường B thành phố T tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ng. H.K.Th và ông Phạm Q. T là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 Quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh huyện Thủ Thừa tỉnh L, ngày đăng ký kết hôn là ngày 10 tháng 10 năm 2008. Ông Phạm Q. T và bà Ng. H.K.Th kết hôn sau khoảng thời gian dài yêu nhau Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, do tính chất công việc nên ông T thường phải đi nhiều nơi, vợ chồng không sống gần nhau nhiều, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, ông Phạm Q. T và bà Ng. H.K.Th đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải nhưng ông T và Bà Th kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 08 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành

phố T lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, ông T và Bà Th đã thống nhất ly hôn vì không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại.

[3] Về con chung: Ông Phạm Q. T và bà Ng. H.K.Th có một người con chung, tên là Phạm H. Kh, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2010. Ông T và Bà Th thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Ng. H.K.Th trực tiếp nuôi con chung, điều này, phù hợp với nguyện vọng của Phạm H. Kh, thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T; Ông Phạm Q. T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, ông T và Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có người yêu cầu nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Ng. H.K.Th là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Phạm H. Kh, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2010; ông Phạm Q. T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

Ông Phạm Q. T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

2. Về lệ phí: Ông Phạm Q. T và bà Ng. H.K.Th chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T và Bà Th đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0004734 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ;
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Thanh Thảo